



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG WEBMOBILE TRADING







THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

TT	Thông tin viết tắt	Thông tin đầy đủ
1	СК	Chứng khoán
2	СТСК	Công ty chứng khoán
3	HNX	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
4	HOSE	Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM
5	UNCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
6	TTLK	Trung tâm lưu ký
7	TVLK	Thành viên lưu ký
8	TTBT	Thanh toán bù trừ
9	NÐT	Nhà đầu tư
10	ТК	Tài khoản
11	HM BL	Hạn mức bảo lãnh
12	HM	Hạn mức
13	HMÐT	Hạn mức đầu tư
14	HTÐT	Hợp tác đầu tư



MỤC LỤC

M	ỘT SỐ	QUY ĐỊNH TRONG GIAO DỊCH4
I.	Đăr	ng nhập hệ thống7
II.	Thć	òng tin tài khoản8
	2.1.	Thông tin chung
	2.2.	Thông tin tiền10
	2.3.	Thông tin chứng khoán11
III	. Đặt	lệnh13
	3.1.	Mật khẩu đặt lệnh13
	3.2.	Đặt lệnh13
	3.3.	Sửa lệnh15
	3.4.	Hủy lệnh17
	3.5.	Sổ lệnh17
	3.6.	Sổ lệnh lịch sử19
	3.7.	Danh mục quan tâm20
IV	. Dar	1h mục đầu tư20
V.	Ún	g trước
	5.1.	Tạo hợp đồng ứng trước22
	5.2.	Tra cứu hợp đồng ứng trước24
VI	. Chu	ıyển khoản24
	6.1.	Chuyển khoản nội bộ26
	6.2.	Tra cứu danh sách chuyển khoản nội bộ27
	6.3.	Chuyển khoản ngân hàng28
	6.4.	Tra cứu danh sách chuyển khoản30
VI	I. Đổi	i mật khẩu31
	7.1.	Đổi mật khẩu đăng nhập31



7.2	2. Đổi mật khẩu đặt lệnh	
VIII.	Thoát khỏi hệ thống	



MỘT SỐ QUY ĐỊNH TRONG GIAO DỊCH

1. Sàn HNX:

- Thời gian giao dịch: từ 9h00 đến 15h00, nghỉ giữa giờ từ 11h30 đến 13h00
 - Khớp lệnh liên tục: 9h00 đến 14h30
 - Khớp lệnh định kỳ đóng cửa: 14h30' 14h45'
 - Giao dịch thỏa thuận từ 9h00' 15h00'
- Biên độ dao động giá là 10%

• Phương thức khóp lệnh bao gồm *khóp lệnh liên tục* và *khóp lệnh thỏa thuận (khóp lệnh thỏa thuận không được phép thực hiện trên kênh trading online, web mobile, home trading)*

4 Phiên khớp lệnh liên tục:

- Loại lệnh:
 - LO Lệnh giới hạn
 - Lệnh thị trường:
 - MAK (Match and Kill) : Lệnh thị trường với thuộc tính FAK (Fill and Kill). Lệnh được nhập vào nếu khôngđược khớp hết sẽ hủy phần còn lại của lệnh
 - MOK (Match or Kill): Lệnh thị trường với thuộc tính FOK (Fill or Kill). Lệnh được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ hủy toàn bộ lệnh
 - MTL (Market to limit): Lệnh thị trường Giới hạn: Lệnh được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ chuyển phần còn lại thành lệnh giới hạn.
- Chỉ được hủy lệnh chưa khớp hết hoặc phần còn lại chưa khớp
- Đơn vị giao dịch:
 - Lô lẻ: 1 99 cổ phiếu
 - Lô chẵn: 100 cổ phiếu
- ♣ Phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa:
 - Loại lệnh:
 - LO Lệnh giới hạn
 - ATC Khớp lệnh tại giá đóng cửa
 - Khi so khớp các lệnh, lệnh ATC sẽ được ưu tiên khớp trước lệnh LO
 - Chỉ được phép hủy ATC, không được phép sửa
 - Lênh LO chỉ được phép hủy/sửa lệnh chưa khớp hoặc phần còn lại chưa khớp
 - 5' cuối phiên không được phép sửa/ hủy
 - Đơn vị giao dịch: Giao dịch lô chẵn 100 cổ phiếu hoặc 100 trái phiếu
 - Không được phép giao dịch lô lẻ
- Bước giá trên sàn HNX là 100 đồng



• Giá tham chiếu của ngày hôm nay là giá đóng cửa của ngày hôm trước

2. Sàn HoSE:

- a. Thời gian giao dịch: từ 9h00 đến 14h15, nghỉ giữa giờ từ 11h30 đến 13h00:
- 4 Phiên sáng:
 - KHớp lệnh định kỳ mở cửa: 9h00' 9h15'
 - Khớp lệnh liên tục I: 9h15' 11h30'
 - Giao dịch thỏa thuận: 9h00' 11h30'
- **↓** Nghỉ: 11h30' 13h00'
- Phiên chiều:
 - Khớp lệnh liên tục II: 13h00' 14h30'
 - Khớp lệnh định kỳ đóng cửa: 14h30' 14h45'
 - Giao dịch thỏa thuận: 13h00 15h00''
- Đợt 1 (Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa Khớp lệnh dựa trên cơ sở so khớp các lệnh mua và bán; giá mở cửa là giá tại đó mà khối lượng khớp lệnh là lớn nhất)
 - Lệnh trong đợt 1 là lệnh LO (lệnh giới hạn), lệnh ATO (lệnh khớp tại giá mở cửa – chấp nhận mọi giá)
 - Khi so khớp các lệnh, lệnh ATO sẽ được ưu tiên khớp trước lệnh LO.
 - Không được phép hủy lệnh trong đợt này.
 - Kết thúc đợt 1, lệnh ATO không khớp sẽ bị hủy, lệnh LO tiếp tục ở trạng thái chờ khớp lệnh.
- Đợt 2 (Đợt khớp lệnh liên tục khớp lệnh trên cơ sở các lệnh so khớp với nhau về giá):
 - Lệnh trong đợt khớp lệnh liên tục là lệnh LO
 - Chỉ được hủy lệnh chưa khớp hết hoặc phần còn lại chưa khớp
- Đợt 3 (Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa)
 - Lệnh trong đợt 3 là lệnh LO, ATC Lệnh nhập trong đợt 3 không được phép hủy lệnh.
 - Chỉ có thể hủy lệnh nhập trong đợt 1, đợt 2 và hủy lệnh chưa khớp hết hoặc phần còn lại chưa khớp
 - Khi so khớp các lệnh, lệnh ATC sẽ được ưu tiên khớp trước lệnh LO.
 - Kết thúc đợt 3, lệnh ATC bị hủy.
- Giao dịch thỏa thuận: Được phép thỏa thuận trong suốt phiên giao dịchtừ 9h00 đến 15h00, nghỉ giữa giờ từ 11h30 đến 13h00 (Không được phép thực hiện trên Trading Online)
- b. Biên độ dao động giá là 7%



- c. Đơn vị giao dịch là 10 cổ phiếu
- d. Bước giá

Giá trị	Bước giá
<49,900	100 đ
Từ 50,000 đến 99,500	500 đ
>= 100,000	1000 đ

- e. Giá tham chiếu của ngày hôm nay là giá đóng cửa của ngày hôm trước
- 3. Sàn UPCoM: Là sàn giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết
 - Thời gian giao dịch: từ 9h00 đến 15h00, nghỉ giữa giờ từ 11h30 đến 13h00
 - Biên độ dao động giá là 15%
 - Phương thức khóp lệnh bao gồm *khóp lệnh liên tục* và *khóp lệnh thỏa thuận (không được phép thực hiện trên trading online, web mobile, home trading)*
 - Bước giá trên sàn UPCoM là 100 đồng
 - Đơn vị giao dịch:
 - Lô lẻ: 1 99 cổ phiếu
 - Lô chẵn: 100 cổ phiếu
 - Giá tham chiếu của ngày hôm nay là giá trung bình của ngày hôm trước
 - Có thể sửa lệnh hoặc hủy lệnh khi lệnh chưa khớp hết.



I. Đăng nhập hệ thống

4 Mục đích: Đăng nhập để sử dụng chức năng WebMobile

E)ăng nhập
Số tài khoản	
Mật khẩu	•••••
	Đăng nhập Xóa

Để đăng nhập hệ thống, nhập các thông tin sau:

- ✓ Tài khoản (user name): là số tài khoản của khách hàng
- Mật khẩu: là mật khẩu do khách hàng quy định. Lần đầu tiên, sau khi mở tài khoản mật khẩu của KH sẽ do CTCK cung cấp
- "Đăng nhập"

Chú ý: Sau đăng nhập tài khoản lần đầu tiên thì Khách hàng phải đổi mật khẩu (xem chi tiết tại mục 1.3)

Giao diện chính của WebMobile sau khi đăng nhập thành công:



Trang chủ	
HOSE: 0 0 0% VN30: 0 0 0% HNX: 0 0 0% UPCOM: 0 0 0%	0.000 tỷ 0.000 tỷ 0.000 tỷ 0.000 tỷ
Thông tin tài khoản	>
Giao dịch	>
Ứng trước	>
Danh mục đầu tư	>
Chuyển khoản	>
Đổi mật khẩu	>
Thoát	>

II. Thông tin tài khoản

2.1. Thông tin chung

Mục đích: Hiển thị các thông tin TK đăng nhập như: Tên KH, địa chỉ, CMND ... và các thông tin ủy quyền.



Trở về	Thông tin TK
Thôr	ng tin cá nhân
Tên KH	Real Test Test
Điện thoại	Provide the second s
Địa chỉ	The second s
Di động	and the second se
Số CMTND	
Email	and the second second second
Ngày cấp	and the second se
Nơi cấp	and the second se
Lần truy nhập gần	
nhất	
Số tài khoản	and the second se
Ngày mở TK	
Số TK ngân hàng	
Ngân hàng	
Trạng thái TK	Mở

Thông tin tài khoản khách hàng, bao gồm:

- ✓ Thông tin cá nhân (chủ tài khoản)
 - Tên tài khoản
 - o Địa chỉ
 - Số CMND
 - Ngày cấp
 - Nơi cấp
 - Số TK ngân hàng
 - 0 ...
- ✓ Thông tin ủy quyền
 - Tên người ủy quyền
 - Số CMND
 - Địa chỉ



2.2. Thông tin tiền

4 Mục đích: Hiển thị thông tin và số dư các loại tiền

Trở về Vấn tin tiền	
Tiền	VNÐ
Loại tiền	Số dư
0029 - Tiền giao dịch	15,219
0025 - Tổng tiền có thể ứng trước n	594 490
ngày gần nhất	004,400
0026 - Hạn mức bảo lãnh đã cấp	0
0006 - Tiền mua trong ngày	0
0053 - Tổng công nợ	<u>0</u>
0014 - Có thể thanh toán	15,201
0028 - Khả dụng rút tiền mặt	15,201
0057 - Sức mua	15,219
`	
Tiên margin	VNÐ
Tiên margin Loại tiền	VNĐ Số dư
Tiên margin Loại tiền 0070 - Tiền margin	VNĐ Số dư 0
Tiên margin Loại tiền 0070 - Tiền margin 0071 - Nợ margin	VNĐ Số dư 0 0
Tiên margin Loại tiền 0070 - Tiền margin 0071 - Nợ margin 0074 - Tiền mua Margin	VNĐ Số dư 0 0 0
Tiên margin Loại tiền 0070 - Tiền margin 0071 - Nợ margin 0074 - Tiền mua Margin 0079 - Tỉ lệ Margin	VNĐ Số dư 0 0 0 0.000000
Tiên marginLoại tiền0070 - Tiền margin0071 - Nợ margin0074 - Tiền mua Margin0079 - Tỉ lệ Margin0075 - Sức mua Margin	VNĐ Số dư 0 0 0 0.000000 0
Tiên marginLoại tiền0070 - Tiền margin0071 - Nợ margin0074 - Tiền mua Margin0079 - Tỉ lệ Margin0075 - Sức mua Margin0076 - Khả dụng thanh toán Margin	VNĐ Số dư 0 0 0 0.000000 0 0 0
Tiên marginLoại tiền0070 - Tiền margin0071 - Nợ margin0074 - Tiền mua Margin0079 - Tỉ lệ Margin0075 - Sức mua Margin0076 - Khả dụng thanh toán Margin0077 - Khả dụng rút Margin	VNĐ Số dư 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0
Tiên marginLoại tiền0070 - Tiền margin0071 - Nợ margin0074 - Tiền mua Margin0079 - Tỉ lệ Margin0075 - Sức mua Margin0076 - Khả dụng thanh toán Margin0077 - Khả dụng rút Margin0080 - Tiền mua cho chậm trong ngày	VNĐ Số dư 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0
Tiên marginLoại tiền0070 - Tiền margin0071 - Nợ margin0074 - Tiền mua Margin0079 - Tỉ lệ Margin0075 - Sức mua Margin0076 - Khả dụng thanh toán Margin0077 - Khả dụng rút Margin0080 - Tiền mua cho chậm trong ngày0052 - Chậm tiền ngày T	VNĐ Số dư 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0
Tiên marginLoại tiền0070 - Tiền margin0071 - Nợ margin0074 - Tiền mua Margin0079 - Tỉ lệ Margin0075 - Sức mua Margin0076 - Khả dụng thanh toán Margin0077 - Khả dụng rút Margin0080 - Tiền mua cho chậm trong ngày0052 - Chậm tiền ngày T0051 - Vay ngắn hạn (HardPush T2, T4)	VNÐ Số dư 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0
Tiên marginLoại tiền0070 - Tiền margin0071 - Nợ margin0074 - Tiền mua Margin0079 - Tỉ lệ Margin0075 - Sức mua Margin0076 - Khả dụng thanh toán Margin0077 - Khả dụng rút Margin0080 - Tiền mua cho chậm trong ngày0052 - Chậm tiền ngày T0051 - Vay ngắn hạn (HardPush T2, T4)0015 - Tiền nợ hợp tác đầu tư	VNĐ Số dư 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0

4 Thông tin tiền bao gồm:

✓ Sức mua: số tiền NĐT có thể sử dụng để đặt lệnh = Tiền giao dịch + Có thể ứng trước + Có thể vay HTĐT + HM T3 đã cấp + HMBL đã cấp – Tiền mua



 Khả dụng rút: số tiền có thể rút khỏi tài khoản = Tổng tiền mặt – Tiền phong tỏa – Tiền mua chứng khoán trong ngày – Tổng số tiền ghi giảm chờ duyệt. Trường hợp có sử dụng HTĐT, Khả dụng rút = Min [Khả dụng HTĐT, Khả dụng tiền mặt]

Trong đó:

- *Khå dụng rút HTĐT*: số tiền HTĐT mà KH có th ể rút = *TSĐB* (Nợ T30/Tỉ lệ rút tiền)
- Khả dụng tiền mặt = Tổng tiền mặt Tiền phong tỏa Tiền mua chứng khoán trong ngày Tổng số tiền ghi giảm chờ duyệt
- ✓ Tổng nợ: số tiền KH nợ do sử dụng các nghiệp vụ
- *Tiền mua chứng khoán trong ngày*: tổng giá trị các lệnh mua trong ngày của tất cả ngân hàng khách hàng sử dụng để đặt lệnh
- ✓ Tiền T+1, T+2, T+3: là các khoản tiền bán khớp các ngày T-2, T-1, T

Chú ý: Trong công thức Sức mua, các loại tiền Có thể ứng trước, có thể HTĐT, HM T3 đã cấp và HM BL đã cấp sẽ được sử dụng theo một thứ tự ưu do công ty Chứng khoán quy định

2.3. Thông tin chứng khoán

Mục đích: Hiển thị thông tin và số dư các loại chứng khoán đang có trong tk của NĐT

O DONGA. Securities

Hướng dẫn sử dụng DongA Webmobile

Trở về	Vấn t	in CK	
	Chứng l	khoán	
Mã CK	Giao dịch	Chờ về	Có thể bán
DXG	100		100
FLC	40		40
HAP	10		10
ITA	10		10
SAM	20		20
SD9	28		28

4 Thông tin chứng khoán

Bao gồm thông tin chi tiết các tài khoản chứng khoán:

Trở về Ch	i tiết
Mã chứng khoán	ACB
T+0	0
T+1	0
T+2	0
T+3	0
Cầm cố	0
Hạn chế	0
Chờ giao dịch	0
Hạn chế chờ giao dịch	0

Lên đầu trang

- ✓ Mã chứng khoán
- ✓ Tổng: là khối lượng tất cả các loại chứng khoán NĐT có
- ✓ *CK khả dụng:* là khối lượng chứng khoán có thể giao dịch
- ✓ CK Cầm cố: là khối lượng chứng khoán NĐT cầm cố





- ✓ *CK margin:* là khối lượng chứng khoán có trong tài khoản margin của NĐT
- ✓ CK T+0, T+1, T+2, T+3: là khối lượng mua khớp chờ về của các ngày tương ứng T-3, T-2, T-1, T

III. Đặt lệnh

3.1. Mật khẩu đặt lệnh

*Mục đích:*Tăng tính bảo mật cho khách hàng, và giúp khách hàng tiết kiệm thời gian đặt lệnh khi nhập MK đặt lệnh trước sẽ được ghi nhớ lại khi đặt lệnh (không cần confirm lại

Trở về	Đặt lệnh	
Nhập mật khẩu		_
•••)
_	_	Tiếp tục

3.2. Đặt lệnh

Mục đích: Cung cấp giao diện cho phép NĐT thực hiện các thao tác đặt lệnh
 Màn hình đặt lệnh:



Trở về	Đặt lệnh		
Số TK	¥		
Ngân hàng	LOCAL		
Lệnh	Bán v 🛛 Margin (Đăng ký ƯT tự động)	(
Mã CK	FLC 12.3 / 13.2 / 14.1		
Loại lệnh	LO ¥		
Giá	14.0		
KL đặt	1,000		
	Nhập lệnh Bỏ qua		
	Vấn tin		

- Màn hình đặt lệnh chính:
 - Chọn tài khoản ngân hàng đặt lệnh
 - Chọn loại lệnh: Mua/Bán
 - Chọn lệnh lệnh thường/ lệnh margin
 - o Loại lệnh: LO, ATO, ATC, MP, MTL, MOK, MAK
 - Giá: giá thực hiện giao dịch (đơn vị 1.000đ)
 - KL đặt: Khối lượng thực hiện giao dịch
 - → Nhập lệnh:



Trở về	Xác nhận đặt lớ	ệnh
Tài khoản	-	
Lênh	Lênh thường	
Mua/Bán	BÁN	
Ngày thực hiện	101-100 - 11-1-1-	
Mã ĆK	HAP	
Khối lượng	10	
Giá	9.3	
Giá trị lệnh	93,000	6
Giá trị phí tạm tính	233	4
Tổng giá trị	93,233	
Ghi chú: Bạn hãy đọc k	ỹ thống tin trước khi thụ	′c hiện giao dịch 👕
này.		_
	Chấp nhận	Hủy

✓ Confirm đặt lệnh:

- Chấp nhận: Lệnh được gửi vào core CTCK
- Hủy: Hủy bỏ giao dịch

♦ <mark>Lưu ý</mark>:

Ngoài giờ mở cửa thị trường (8h30 – 11h) lệnh đặt của NĐT sẽ ở trạng thái P
 - Chưa duyệt, là Lệnh trước giờ. Các lệnh này phải được bộ phận phụ trách của CTCK thực hiện duyệt thì lệnh mới được gửi vào Sở. NĐT lưu ý trên sổ lệnh chọn bộ lọc Lệnh trước giờ để xem lệnh đặt ngoài giờ giao dịch

3.3. Sửa lệnh

*Mục đích:*NĐT có thể thực hiện sửa giá các lệnh chưa khớp hoặc phần còn lại chưa khớp

Trên grid danh sách lệnh, chọn Sửa để sửa giá lệnh đặt:



Trở về	Xá	ác nhận sửa	a lệnh
Tài khoản			
Lênh	Lênh thư	ờna	
Mua/Bán	BÁN	y	
Ngày thực hiện			
Mã CK	HAP		
		8.1 / 8.7 /	9.3
KL chờ	10		
Giá chờ	9.3		•
Giá mới	9.2		
KL mới	10		
MK đặt lệnh			
Ghi chú: Bạn hãy này.	đọc kỹ thôn	g tin trước khi thự	c hiện giao dịch
		Chấp nhận	Hủy

- Nhập giá mới
- Nhập mật khẩu đặt lệnh để xác nhận
 - Đóng: không thực hiện
 - Đồng ý: thực hiện yêu cầu sửa giá
- Dối với lệnh sàn HNX: Khi thực hiện sửa giá thành công, giá mới sẽ được cập nhật vào lệnh gốc
- Dối với lệnh sàn HOSE: Khi thực hiện sửa giá, hệ thống thực hiện hủy lệnh gốc và tạo lại lệnh mới theo giá mới sửa.
- ➡ Hệ thống sẽ tự động cập nhật giá mới, trạng thái lệnh khi thực hiện sửa thành công



3.4. Hủy lệnh

- *Mục đích:*NĐT có thể thực hiện Hủy các lệnh đặt mua/bán trong giờ hoặc trước giờ chưa khớp hoặc phần còn lại chưa khớp
 - ✓ Trên grid danh sách lệnh, chọn lệnh và chọn <u>Hủy</u> để hủy lệnh

Trở về Xấ	c nhận hủy lệ	nh
Tài khoản	and the second second	
Mua/Bán	BÁN	
Ngày thực hiện	100 - 100 - 100 - 100 - 100 - 100 - 100 - 100 - 100 - 100 - 100 - 100 - 100 - 100 - 100 - 100 - 100 - 100 - 100	
Mã ČK	HAP	
Khối lượng	10	
Giá	9.3	
Ghi chú: Bạn hãy đọc kỹ	í thông tin trước khi th	ực hiện giao dịch
này.	-	
	Đồng ý	Bỏ qua <

- Đồng ý: Yêu cầu hủy lệnh được gửi vào hệ thống core CTCK
- Bỏ qua: không thực hiện hủy lệnh đã chọn

⇒ Hệ thống sẽ tự động cập nhật trạng thái lệnh khi thực hiện hủy lệnh thành công

3.5. Sổ lệnh

- *Mục đích:* Theo dõi các giao dịch mua bán trong ngày, trạng thái các lệnh, thực hiện sửa, hủy lệnh
- 4 Sổ lệnh trước giờ:



Trở về	Sổ lệ	nh trươ	ớc giờ	
Chọn số tài khoản:		-	¥	
Mã CK	KL	Giá	Giờ đặt	
(*) Mua: Màu đỏ, Bán	: Màu xa	nh	Lên	đầu trang
<u>Cảnh báo Liên hệ</u>				

↓ Sổ lệnh trong giờ:

Trở về Sổ lệnh			_		
Chọr	n số tài khoản:		~		
	Mã CK	KL	Giá chờ	Giờ đặt	
Sửa	HAP	10	9.3	09:38:12	Hủy
	Chờ khớp	10	9.3	05.00.12	
Sửa	FLC	40	14.0	09.11.24	Hủy
	Chờ khớp	40	14.0	05.11.24	
Sửa	<u>SD9</u>	28	14.3	09.03.00	Hủy
	Chờ khớp	28	14.3	05.00.00	

(*) Mua: Màu đỏ, Bán: Màu xanh

<u>Lên đầu trang</u>



<u>Cảnh báo | Liên hệ</u>

• Trên sổ lệnh NĐT cũng có thể thực hiện các thao tác Sửa/Hủy lệnh.



3.6. Sổ lệnh lịch sử

*Mục đích:*Tra cứu lệnh ngày quá khứ.

Trở về	S	ổ lệnh	_
Ngày			Lấy dữ liệu
Mã CK	KL	Giá	Giờ đặt
<u>SD9</u>	28	14.3	09:03:00
<u>SD9</u> Chờ khớp	28 28	14.3 14.3	09:03:00
<u>SD9</u> Chờ khớp <u>FLC</u>	28 28 40	14.3 14.3 14.0	09:03:00
SD9 Chờ khớp FLC Chờ khớp	28 28 40 40	14.3 14.3 14.0 14.0	09:03:00
SD9 Chờ khớp FLC Chờ khớp HAP	28 28 40 40 10	14.3 14.3 14.0 14.0 9.3	09:03:00 09:11:24 09:38:12

<u>Lên đầu trang</u>



<u>Cảnh báo</u> | <u>Liên hệ</u>



3.7. Danh mục quan tâm

4 Mục đích: Hiển thị danh mục chứng khoán quan tâm của nhà đầu tư

	Danh mục	quan tâm		
CTCK - Mu	a trong ng	Thêm	Xóa	
STOCK		Thêm	Xóa	
Stock Pr	ice Thay d	ồi High	Low	KL
AAA 19	1 🗣 -0.10(-0.5	50%) 19.3	19.0	0
Đặt mua	Đặt bán	Detail	Re	m
ACB 15	5 🖶 -0.10(-0.6	60%) 15.6	15.5	0
KLS 12	5 🖶 -0.10(-0.8	30%) 12.7	12.4	19

- (1) Chọn danh mục cần xem để hiển thị các mã chứng khoán của danh mục đấy. Co thể thêm hoặc xóa danh mục quan tâm.
- (2) Chọn mã chứng khoán cần thêm vào danh mục và nhấn Thêm để thêm vào danh mục, nhấn Xóa để xóa mã chứng khoán ra khỏi danh mục.
- Đặt mua: Chuyển sang màn hình đặt lệnh mua mã chứng khoán đã chọn
- Đặt bán: Chuyển sang màn hình đặt lệnh bán mã chứng khoán đã chọn
- ✤ Chi tiết: Chuyển sang màn hình chi tiết mã chứng khoán đã chọn.
- * Xóa: Xóa mã chứng khoán ra khỏi danh mục.

IV. Danh mục đầu tư

Mục đích: Thống kê lãi/lỗ theo từng mã chứng khoán đầu tư của NĐT tính đến thời điểm hiện tại



Trở về	Danh mục đầu tư
--------	-----------------

Mã CK	KL Tồn	Lãi lỗ ngày	Lãi lỗ tổng hợp
<u>DXG</u>	100	0	-3,800
<u>FLC</u>	40	-4,000	-5,320
<u>HAP</u>	10	1,000	-2,225
<u>ITA</u>	10	0	2,807
<u>SAM</u>	20	-2,000	-6,580
<u>SD9</u>	28	0	38,318
Tổng		-5,000	23,200

Khuyến cáo: Báo cáo này mang tính chất tham khảo, không mang ý nghĩa quyết định đầu tư

<u>Lên đầu trang</u>



Cảnh báo | Liên hệ

- Một số thông tin lưu ý:
 - KL tồn: tổng khối lượng đang nắm giữ
 - \circ (giá chênh lệch = giá khớp gần nhất giá tham chiếu)
 - $\circ Lãi/lỗ lũy kế = KL tồn * (Giá hiện tại Giá vốn) + TH quyền (tiền)$



V. Úng trước

5.1. Tạo hợp đồng ứng trước

- *Mục đích*: Cho phép NĐT thực hiện tạo hợp đồng ứng trước tiền bán CK trên tài khoản thường và tài khoản Margin
- Yêu cầu:
 - ✓ KH đã đăng nhập vào TK của mình.
 - ✓ Được quyền sử dụng Ứng trước.
 - ✓ TK Khách hàng có loại tiền chờ về của CK bán ngày T, T-1, T-2
- ✤ Bước 1: Chọn menu Úng trước trên màn hình chính

	Trai	ng ch	ıů	
HOSE: VN30: HNX: UPCOM:	402.08 472.78 61.65 38.19	6.06 7.49 0.22 0.02	1.53% 1.61% 0.36% 0.05%	0.453 tỷ 0.202 tỷ 0.215 tỷ 0.955 tỷ
Thông ti	n tài k	hoản	I	>
Giao dịc	h			>
Ứng trướ	>			
Danh mự	>			
Chuyển	khoản			>
Đổi mật	khẩu			>
Thoát				>

✤ Bước 2: Nhập mật khẩu đặt lệnh, để vào cửa mục ứng trước



Trở về Ứng trước	
Nhập mật khẩu	Tiếp tục
Trở về Ứng trước	
Tạo yêu cầu	>
Tra cứu ứng trước	>

*** Bước 3:** Nhập thông tin ứng trước

Trở về	Tạo yêu c	âu
Loại lệnh	Lện	h thường 👻 1
Ngày bán		× (2)
Ngày thanh toán		0
Tổng tiền bán	515,000,000	
Tổng phí	772,500	
Tổng thuế	257,500	
Tổng có thể ứng sau phí	513,970,000	
Đã ứng	10,100,000	
Có thể ứng thêm	0	
Số tiền ứng		50,000,000
Phí	84,000	<u> </u>
Phí quản lý	0	
Số tiền còn lại	453,786,000	
	Chấp nhận	Nhập lại
	4	<u>Lên đầu trang</u>

- (1) Chọn loại lệnh:
 - a. Lệnh thường: Lệnh bán trên tài khoản thường
 - b. Lệnh margin: Lệnh bán trên tài khoản margin
- (2) Chọn ngày bán: Ngày có lệnh bán để ứng trước



- (3) Nhập số tiền cần ứng (Tối đa bằng Số tiền có thể ứng) → Hệ thống tự động tính toán lại số Phí, số tiền còn lại
 - *Lưu ý*:
 - ✓ Số tiền ứng phải tròn số theo hàng nghìn, trăm, chục nghìn,...(do CTCK quy định)
 - ✓ Giá trị phí được tính theo tỷ lệ phí quy định của ngân hàng ứng trước
- (4) Tạo yêu cầu ứng trước: Yêu cầu ứng trước tạo thành công ở trạng thái Chưa duyệt và được đẩy vào back office để nhân viên kế toán xử lý phát vay

5.2. Tra cứu họp đồng ứng trước

Mục đích: Cho phép NĐT tra cứu lịch sử các hợp đồng ứng trước

Trở về	Tra cứu ứn	g trước
Từ ngày Đến ngày		Lấy dữ liệu
Số hợp đồng Ngày khớp lệnh Ngày thanh toán Số tiền Phí Phí Trạng thái	50,000,000 84,000 0 Chưa duyệt (Hủy)	
Sổ hợp đồng Ngày khớp lệnh Ngày thanh toán Số tiền Phí Phí Trạng thái	5,000,000 50,000 0 Chưa duyệt <u>(Hủy)</u>	
Sổ hợp đồng Ngày khớp lệnh Ngày thanh toán Số tiền Phí Phí quản lý Trạng thái	5,000,000 50,000 0 Đã xóa	

- Chọn khoảng thời gian cần xem lịch sử
- ✤ Lấy dữ liệu → Danh sách các hợp đồng thỏa mãn điều kiện
- Nhấn <u>Hủy</u> để hủy các yêu cầu ứng trước chưa được xử lý (*Chưa duyệt*)

VI. Chuyển khoản

4 Trên trang chủ của webmobile chọn mục **Chuyển khoản**



Trang chủ	_
HOSE: 0 0 0%	0.000 tỷ
VN30: 0 0 0%	0.000 tỷ
HNX: 0 0 0%	0.000 tỷ
UPCOM: 0 0 0%	0.000 tỷ
Thông tin tài khoản	>
Giao dịch	>
Ứng trước	
Danh mục đầu tư 🔹 🔉	
Chuyển khoản	
Đổi mật khẩu >	
Thoát >	

<u>Lên đầu trang</u>

 Nhập mật khẩu đặt lệnh

Trở về	Chuyển	khoả	n
Nhập mật k	hẩu		
			Tiếp tục



Trở về Chuyển khoản	
Chuyển khoản nội bộ	>
Chuyển khoản ngân hàng	>
Tra cứu CK nội bộ	>
Tra cứu CK ngân hàng	>

6.1. Chuyển khoản nội bộ

Mục đích: Cho phép NĐT tạo yêu cầu chuyển khoản từ TK GDCK sang TK GDCK khác cùng thành viên GD (014xxxxxx)

Chọn loại tiền chuyển	0002 - Tiền gửi tại công 💌
Có thể CK	15,201 (VND)
Có thể CK trong nhóm	15,201 (VND)
Số tiền chuyển	15,000
TK nhận	
Sang loại tiền	0002 - Tiền gửi tại công 🐱
Diễn giải	



- Bước 1: Chọn mục Chuyển khoản nội bộ
- *Bước 2*: Nhập thông tin chuyển khoản:

Các thông tin bắt buộc nhập khi tạo yêu cầu chuyển khoản:

- Loại tiền chuyển:
 - 0002 Tiền gửi công ty: tiền giao dịch tài khoản thường
 - 0070 Tiền margin: tiền giao dịch tài khoản **margin**
- Nhập số tiền cần chuyển:
 - Số tiền có thể chuyển tối đa bằng số tiền Có thể chuyển khoản.
 Nếu TK nhận là TK cùng nhóm HTĐT, số tiền có thể chuyến tối đa bằng số tiền Có thể chuyển khoản trong nhóm
 - Số tiền 1 lần chuyển khoản phải lớn hơn số tiền Tối thiểu (VD: 50.000đ) và nhỏ hơn số tiền Tối đa (VD: 3.000.000.000đ)
- Tài khoản nhận chuyển khoản
- Loại tiền tài khoản nhận
 - 0002 Tiền gửi công ty: tiền giao dịch tài khoản **thường**
 - 0070 Tiền margin: tiền giao dịch tài khoản **margin**
- → Nhấn **Nhập lại**: xóa dữ liệu đã nhập
- → Nhấn Chấp nhận: tạo yêu cầu chuyển khoản
- Tạo yêu cầu chuyển khoản: Yêu cầu chuyển khoản thành công ở trạng thái Chờ xử lý

6.2. Tra cứu danh sách chuyển khoản nội bộ

Cho phép NĐT tra cứu các yêu cầu chuyển khoản đã thực hiện theo khoảng thời gian

- Bước 1: Chọn mục Tra cứu CK nội bộ
- *Bước 2:* Nhập ngày cần tra cứu danh sách yêu cầu chuyển khoản.



Trở về	Chọn	ngày	giao	dịch
Chọn ngày GD)	
	_	-	Tié	ép tục

Bước 3: Nhấn Tiếp tục→ Hệ thống trả ra danh sách các yêu cầu chuyển khoản nội bộ thực hiện trong ngày

Cho phép NĐT hủy các yêu cầu ở trạng thái *Chờ xử lý*. Nhấn link **Hủy** để hủy yêu cầu

Lưu ý:

- ✓ Để sử dụng chức năng Chuyển khoản nội bộ, NĐT phải ký hợp đồng với CTCK.
- Nếu NĐT đăng ký số tài khoản nhận trên hợp đồng thì chỉ được phép chuyển tới các tài khoản đã đăng ký, nếu không đăng ký tài khoản nhận chuyển khoản thì có thể chuyển khoản đến 1 tài khoản bất kỳ
- ✓ Các khoản phí phát sinh do NĐT chịu
- CTCK sẽ gửi tin nhắn thông báo xử lý yêu cầu chuyển khoản nếu NĐT đăng ký dịch vụ nhận tin nhắn

6.3. Chuyển khoản ngân hàng

Mục đích: Tiện ích cho phép NĐT thực hiện chuyển tiền từ tài khoản GDCK sang tài khoản ngân hàng



Trở về	Chuyển khoản ngân hàng
Chọn loại tiền chuyển	0002 - Tiền gửi tại công 🗸
Số dư có thể chuyển	15,201 (VND)
Số tiền chuyển	15,000
Chọn TK nhận	1231.0000.423152
Tên TK nhận	
Ngân hàng	
Chi nhánh	
Tỉnh	
Diễn giải	
	Chấn nhân Nhân lại

- Bước 1: Chọn mục Chuyển khoản ngân hàng
- *Bước 2:* Nhập thông tin chuyển khoản

Các thông tin cần nhập:

- Chọn loại tiền chuyển
 - 0002 Tiền gửi công ty: tiền giao dịch tài khoản **thường**
 - 0070 Tiền margin: tiền giao dịch tài khoản margin
- Số tiền chuyển
- Tài khoản nhận
- Tên tài khoản nhận
- Tên ngân hàng (Ngân hàng mở TK nhận chuyển khoản)
- Chi nhánh
- o Tỉnh/TP
- Diễn giải



→Nhấn Nhập lại xóa thông tin đã nhập

→Nhấn Chấp nhận tạo yêu cầu chuyển khoản

➡ Tạo yêu cầu chuyển khoản thành công: Yêu cầu chuyển khoản thành công ở trạng thái Chờ xử lý

6.4. Tra cứu danh sách chuyển khoản

Cho phép NĐT tra cứu các yêu cầu chuyển khoản ngân hàng đã thực hiện theo ngày thực hiện

- Bước 1: Chọn mục Tra cứu CK ngân hàng
- *Bước 2:* Nhập ngày cần tra cứu danh sách yêu cầu chuyển khoản.

Trở về	Chọn	ngày	giao	dịch
Chọn ngày GD)	
	_	_	Tiế	p tục

Bước 3: Nhấn Tiếp tục→ Hệ thống trả ra danh sách các yêu cầu chuyển khoản ngân hàng thực hiện trong ngày

Cho phép NĐT hủy các yêu cầu ở trạng thái *Chờ xử lý*. Nhấn link **Hủy** để hủy yêu cầu

L**ru ý:**

- Để sử dụng chức năng Chuyển khoản ngân hàng, NĐT phải ký hợp đồng với CTKC.
- Nếu NĐT đăng ký số tài khoản nhận trên hợp đồng thì chỉ được phép chuyển tới các tài khoản đã đăng ký, nếu không đăng ký tài khoản nhận chuyển khoản thì có thể chuyển khoản ngân hàng đến 1 tài khoản bất kỳ
- ✓ Các khoản phí phát sinh do NĐT chịu

Đặc biệt: NĐT có thể chuyển khoản trên số tiền có thể ứng trước nếu thỏa mãn các điều kiện:



- 1. Đăng ký sử dụng dịch vụ ứng trước tự động:
 - a. Đăng ký tại quầy
 - b. Đăng ký online tại màn hình đặt lệnh
- 2. Không bị phong tỏa dịch vụ ứng trước
- Có tiền bán chờ về chưa ứng và giá trị lệnh bán phải lớn hơn giá trị tối thiểu cho phép sử dụng dịch vụ (1.000.000 đ)
- Số tiền có thể chuyển khoản tối đa = Tiền mặt có thể chuyển + Tiền có thể ứng trước * Tỷ lệ ứng trước tự động
- ⇒ Số tiền có thể chuyển khoản trong nhóm tối đa = Tiền mặt có thể chuyển trong nhóm + Tiền có thể ứng trước * Tỷ lệ ứng trước tự động
 Chỉ áp dụng cho chuyển khoản với loại tiền 0002 Tiền gửi tại công ty
- Thực hiện chuyển khoản vượt quá tiền mặt có thể chuyển, hệ thống sẽ đưa cảnh báo:
 Bạn có muốn sử dụng tiền ứng trước để chuyển khoản?
 - Nhấn Đồng ý để thực hiện chuyển khoản
 - Nhấn Hủy để hủy bỏ yêu cầu

VII. Đổi mật khẩu

7.1. Đổi mật khẩu đăng nhập

*Mục đích:*Sau khi đăng nhập lần đầu tiên, NĐT muốn đổi mật khẩu đăng nhập sử dụng trên Web mobile.



Trở về	Đổi mật khẩu	_
Đổi mậ	t khẩu đăng nhập	
Mật khẩu cũ		
Mật khẩu mới		
Xác nhận MK mới	•••••	
	Xác nhận 🛛 🔊 N	lhập lại
Đổi mật khẩu đặt lệnh		
Mật khẩu cũ		
Mật khẩu mới		
Xác nhận MK mới	••••••	
	Xác nhận 🛛 🕅	lhập lại

Các bước thực hiện:

Nhấn link Đổi mật khẩu/Grid Đổi mật khẩu đăng nhập

- Khai báo mật khẩu cũ
- Khai báo mật khẩu mới
- Xác nhận mật khẩu mới
- Xác nhận

7.2. Đổi mật khẩu đặt lệnh

Mục đích: Được sử dụng trong trường hợp, NĐT muốn đổi mật khẩu đặt lệnh trên Web mobile

Mật khẩu đặt lệnh được đưa vào sử dụng trong quá trình đặt lệnh nhằm mục đích tăng thêm tính bảo mật cho khách hàng

NĐT muốn đổi mật khẩu đặt lệnh nhấn link Đổi mật khẩu/Grid Đổi mật khẩu đặt lệnh



Các bước thực hiện tương tự Đổi mật khẩu đăng nhập

Trở về	Đổi mật khẩu	_
Đổi mậ	t khẩu đăng nhập	0
Mật khẩu cũ	•••••	
Mật khẩu mới	•••••	
Xác nhận MK mới	•••••	
	Xác nhận	Nhập lại
Đổi mật khẩu đặt lệnh		
Mật khẩu cũ	•••••	
Mật khẩu mới		
Xác nhận MK mới		
	Xác nhận	Nhập lại



VIII. Thoát khỏi hệ thống

Mục đích: Kết thúc phiên làm việc, thoát khỏi trình duyệt để đảm bảo an toàn cho NĐT

Đăng nhập	
Số tài khoản	
Mật khẩu	
	Đăng nhập Xóa

Nhấn thoát ở góc trên bên phải màn hình để kết thúc phiên làm việc
 →Hệ thống trở lại màn hình đăng nhập ban đầu